

Xây dựng Nền tảng cho Thị trường Vốn Hiện đại:

Một số Giải pháp Phát triển Thị trường Vốn Nợ của Việt Nam

Hà Nội | Ngày 20/03/2026

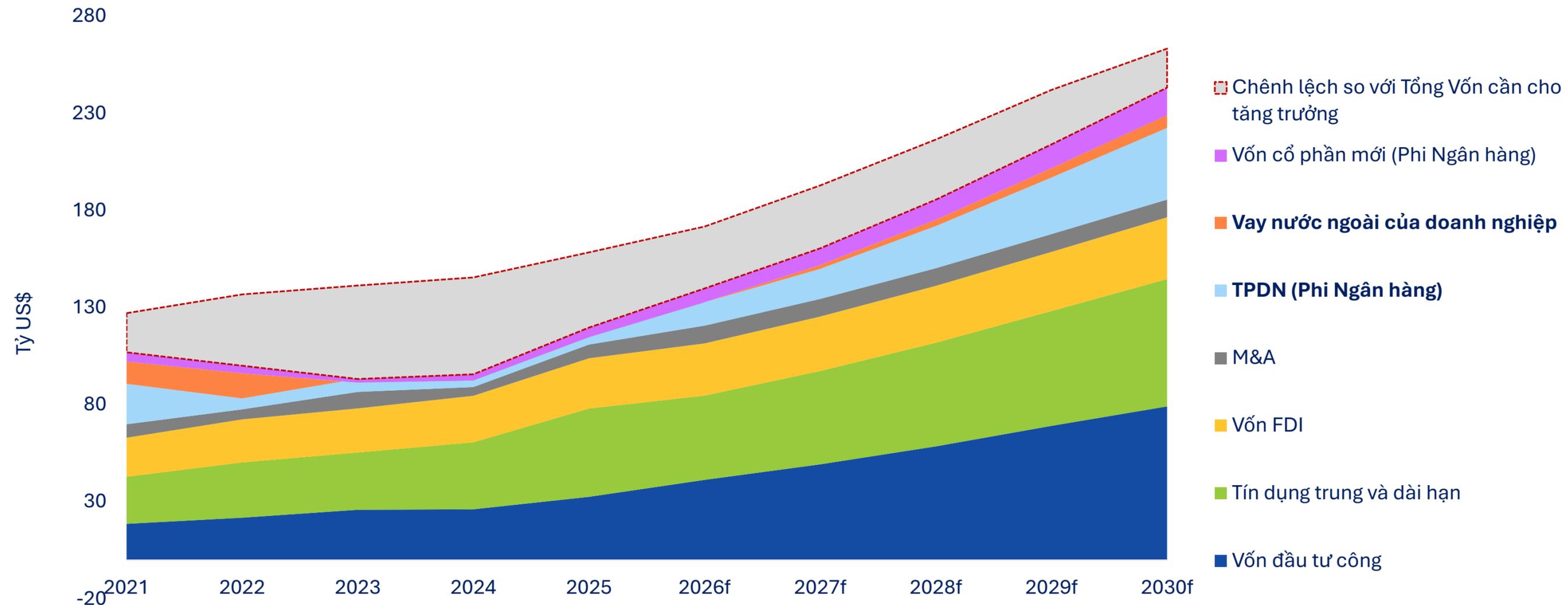
Trình bày bởi:

Nguyễn Quang Thuần, FCCA

Chủ tịch FiinGroup và FiinRatings



Chênh lệch giữa Nguồn vốn trung-dài hạn sv. Tổng đầu tư toàn xã hội mục tiêu



Nguồn: FiinGroup.

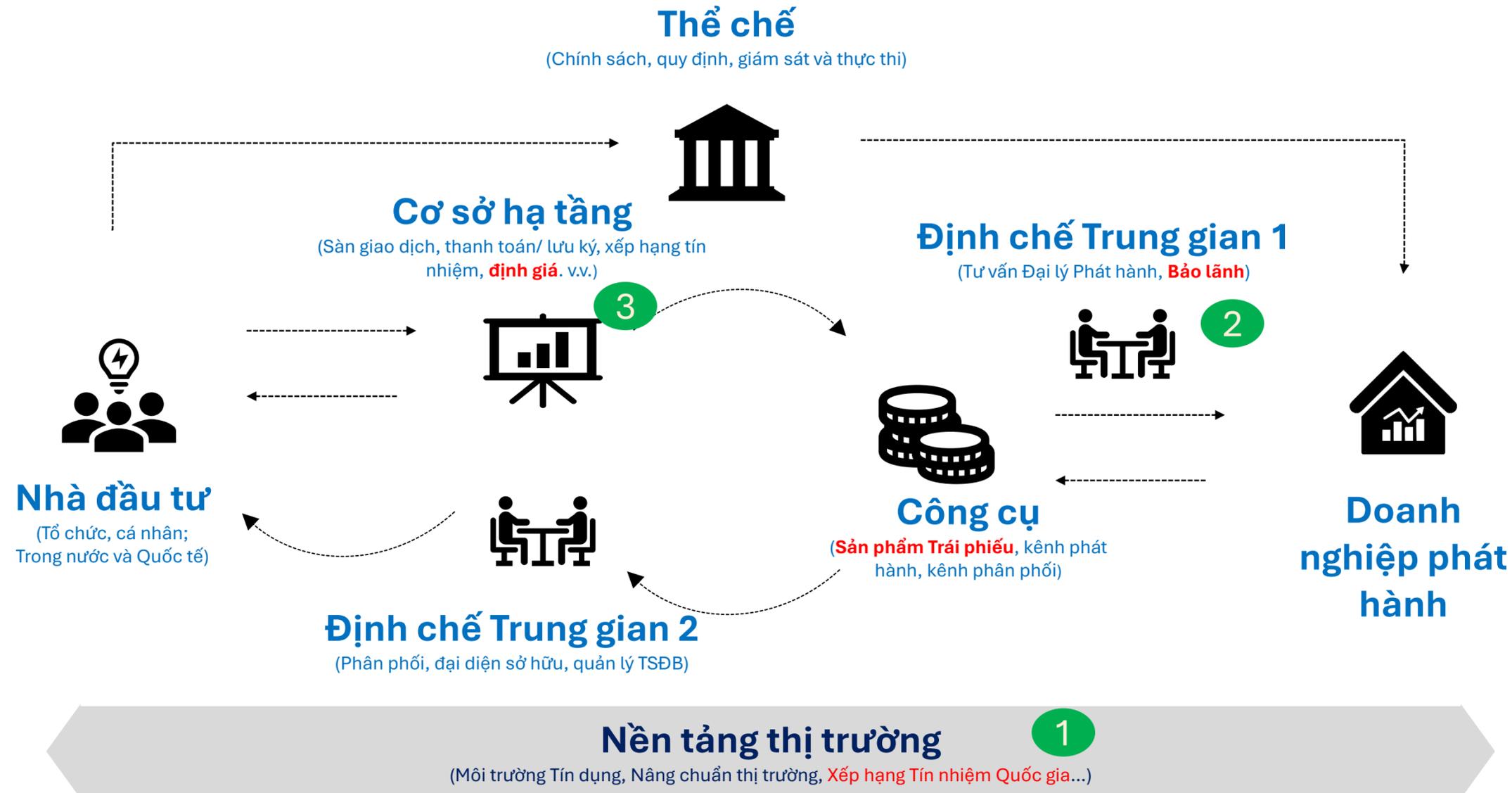
Ghi chú:

1. Giả định và cơ sở ước tính chính cho dự báo trên, bao gồm: (1) Vốn cần cho tăng trưởng là tổng vốn đầu tư toàn xã hội dựa trên giả định tăng trưởng GDP 10%/năm trong giai đoạn 2026 - 2030; (2) Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội/GDP tăng dần, tiệm cận 40% vào năm 2030. (3) Đầu tư công giải ngân theo kế hoạch, tỷ lệ hoàn thành duy trì ở mức cao (>90%); (4) Tăng trưởng tín dụng ổn định quanh 15-18%/năm; cơ cấu tín dụng trung & dài hạn không thay đổi đáng kể; (5) Phát hành TPDN phi ngân hàng phục hồi từ 2026 và gia tăng dần tỷ trọng trong cơ cấu vốn; (5) Lượng vốn FDI giải ngân tăng trưởng ổn định khoảng 7 - 8%/năm; M&A cải thiện so với nền thấp giai đoạn trước.

2. Những phân tích trong báo cáo này chỉ tập trung vào các dòng vốn trung và dài hạn, không bao gồm các kênh huy động vốn ngắn hạn phục vụ vốn lưu động.

03 Khuyến nghị được lựa chọn Nhằm Phát triển Thị trường Vốn nợ/ TPDN của Việt Nam

Mô hình vận hành thị trường TPDN:



- 1 Cải thiện Xếp hạng Tín nhiệm Quốc gia
- 2 Phát triển Mô hình Quỹ Bảo lãnh Trái phiếu
- 3 Phát triển Mô hình Định giá Trái phiếu

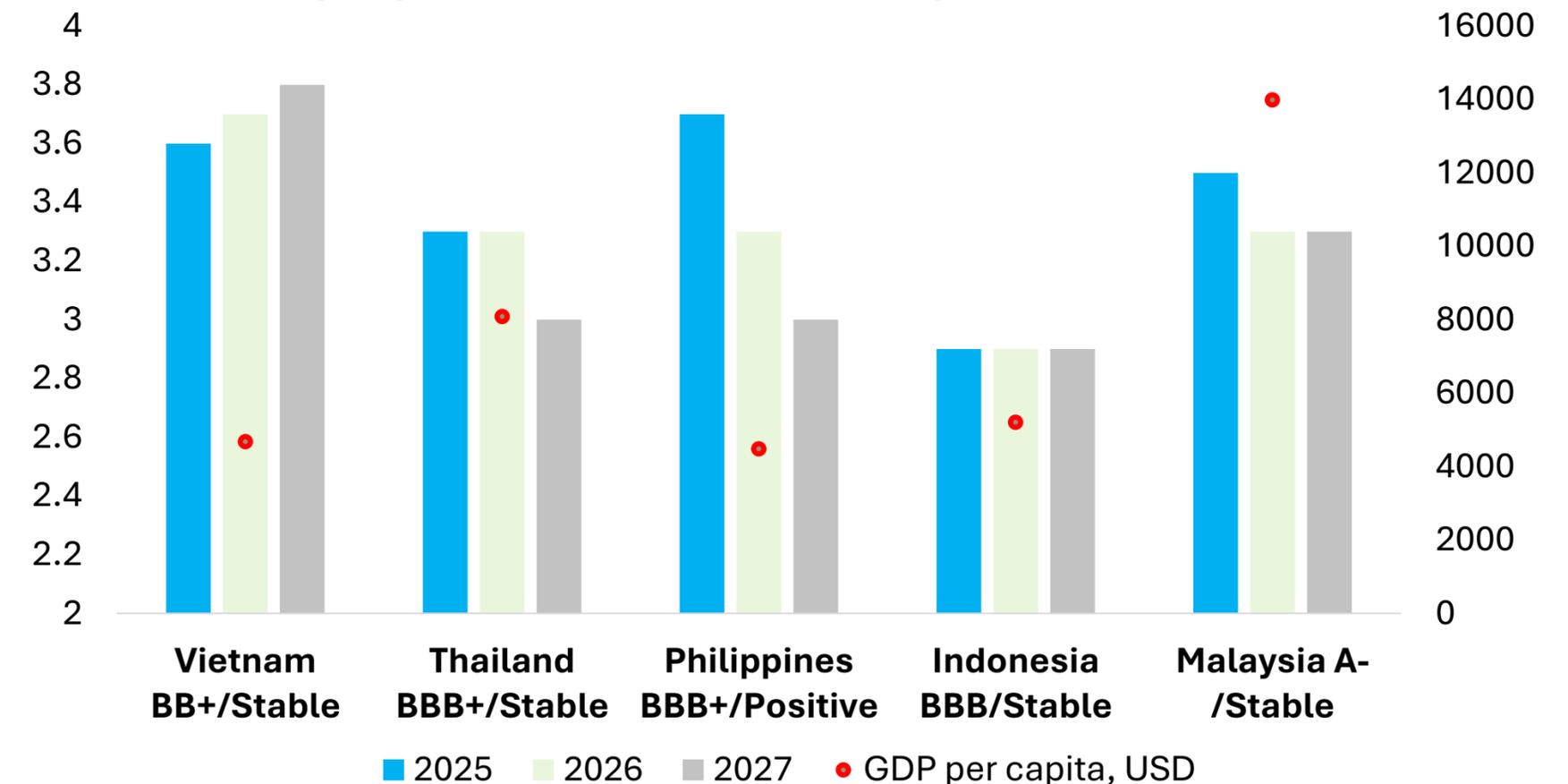
Nguồn: FiinRatings

Ghi chú: Mô hình này được FiinRatings xây dựng nhằm mục đích mang tính mô phỏng và minh họa và do vậy có thể không phản ánh hết các cấu phần vận hành của thị trường TPDN của Việt Nam.

- Việt Nam đặt mục tiêu cải thiện lên Mức Đầu tư (Investment Grade) tức là tối thiểu BBB- trước năm 2030 (Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ).
- Xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam hiện tại là BB+ theo S&P thấp hơn so với một số nước có tính cạnh tranh với Việt Nam trong ASEAN.
- Việc thực hiện sớm hơn mục tiêu này sẽ góp phần thuận lợi hơn cho việc:
 - Huy động vốn Nợ của Chính phủ và của Doanh nghiệp trên thị trường quốc tế
 - Hỗ trợ cho thị trường vốn Nội địa với việc thuận lợi hơn cho việc thu hút NDDTNN trên thị trường vốn/ TTCK.
 - Chi phí tài chính liên quan đến hoạt động tài trợ thương mại XNK
- Xét trong bối cảnh và tính thời điểm, bên cạnh tiến trình tốt về nâng hạng lên EM (bên thị trường cổ phiếu) thì nâng hạng tín nhiệm quốc gia (có tính bao trùm hơn và tập trung vào thị trường vốn nợ) sẽ là bước tiến lớn của Việt Nam trong việc góp phần huy động vốn cho phát triển kinh tế.

Xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam so với các nước cùng nhóm

Thay đổi về nợ công ròng, % GDP và GDP bình quân đầu người, các nước ASEAN.



Source: FiinRatings, Ước tính bởi S&P Global Ratings cho năm 2026 và 2027.

Màu đỏ = thể hiện quan tâm, đặt nhiều câu hỏi / bình luận trong buổi làm việc với chuyên gia phân tích và báo cáo xếp hạng của các CRAs. Có thể là điểm chúng ta cần lưu ý cải thiện hoặc chủ động đối thoại/ làm rõ

Màu xanh = thể hiện ít câu hỏi / bình luận hơn. Có thể là điểm không trọng yếu

Màu xanh = thể hiện ít câu hỏi / bình luận hơn. Có thể là điểm mạnh hoặc không trọng yếu

S&P Global	Trọng số Ngụ ý (%) (1)
Hiệu quả thể chế về quản trị	25.0
• Hiệu quả thể chế và quản trị	
Điểm số kinh tế	25.0
• GDP bình quân đầu người	
• Tăng trưởng trung bình 10 năm của GDP thực / người	
• Mức độ nợ nước ngoài	
Điểm số đối ngoại	16.7
• Vị thế tiền tệ trong các giao dịch quốc tế	
• Thanh khoản đối ngoại	
• Mức độ nợ nước ngoài	
Điểm số tài khóa	16.7
• Hiệu quả và tính linh hoạt tài khóa	
• Gánh nặng nợ và nghĩa vụ nợ tiềm tàng	
Điểm số tiền tệ	16.7
• Chế độ tỷ giá hối đoái	
• Độ tin cậy và hiệu quả của chính sách tiền tệ, xu hướng lạm phát	

MOODY'S
Sức mạnh thể chế
• Chất lượng thể chế
• Hiệu quả chính sách - tài khóa và tiền tệ
Sức mạnh kinh tế
• Động lực tăng trưởng
• Quy mô nền kinh tế
• Thu nhập quốc dân / đầu người
Sức mạnh tài khóa
• Gánh nặng nợ
• Khả năng chi trả nợ
Mức độ dễ bị tổn thương trước rủi ro
• Rủi ro ngành ngân hàng
• Rủi ro bên ngoài
• Rủi ro thanh khoản của Chính Phủ
• Rủi ro chính trị

FitchRatings	Trọng số Ngụ ý (%) [1]
Đặc điểm cấu trúc	52.8
• Chỉ số quản trị tổng hợp	20.0
• GDP bình quân đầu người	13.3
• Tỷ tr	12.8
• Years since default	5.4
• Cung tiền	1.3
Tài chính công	18.2
• Cân đối ngân sách	2.5
• Tổng nợ công	8.3
• Chi phí lãi vay	4.9
• Nợ công bằng ngoại tệ	2.5
Tài chính đối ngoại	17.9
• Tính linh hoạt của dự trữ ngoại tệ	7.6
• Mức độ phụ thuộc vào hàng hóa	1.1
• Dự trữ quốc tế chính thức	1.5
• Tài sản nước ngoài ròng của quốc gia	7.1
• Cán cân vãng lai + FDI	0.1
• Nghĩa vụ trả lãi nước ngoài	0.4
Hiệu quả kinh tế vĩ mô	11.1
• Lạm phát giá tiêu dùng	3.0
• Tăng trưởng GDP thực	2.6
• Biến động tăng trưởng GDP thực	5.5

Nguồn: FiinGroup tổng hợp.

Ghi chú: [1] các thông số về Trọng số Ngụ ý này không phải là thông tin chính thức được đề cập trong công bố tài liệu về Phương pháp luận và Bộ Tiêu chí Xếp hạng của các tổ chức XHTN quốc tế được nêu. Đây là số liệu được ước tính bởi Standard Chartered (Khối Tư vấn Xếp hạng Tín nhiệm)

1

Cải thiện Xếp hạng Tín nhiệm Quốc gia So sánh Tương đồng với các Nước trong Khu vực

Xét riêng về Triển vọng kinh tế và Vị thế tài khóa thì nhìn chung Việt Nam chúng ta tương đồng với các quốc gia cùng nhóm đạt mức **Investment Grade (trung vị BBB)** trong khu vực; vẫn còn dư địa cải thiện về các yếu tố **cấu trúc** và **thể chế kinh tế**.

Dữ liệu năm 2026F hoặc kỳ gần nhất	Vietnam (BB+)	BB Median	BBB Median	India (BBB-)	Philippines (BBB)	Indonesia (BBB)	Thailand (BBB+)
Kinh tế vĩ mô							
GDP (tỷ USD)	503.6	-	-	4,583.5	556.8	1,542.4	620.6
Tăng trưởng GDP thực (%)	7.5	3.8	2.3	7.4	5.1	4.9	2.1
Lạm phát (CPI, % thay đổi)	3.3	3.5	2.1	2.3	1.7	1.9	-0.1
GDP bình quân đầu người (USD)	5,030.5	8,553.6	17,462.0	2,843.1	4,275.2	5,002.3	8,173.1
Tỉ lệ thất nghiệp (%)	2.2	8.4	4.7	6.0	4.0	4.9	1.0
Biến động tăng trưởng GDP	2.0	3.1	3.6	4.4	5.0	2.2	2.9
Đầu tư trong nước (% GDP)	32.3	23.1	22.9	30.6	22.8	29.7	21.3
Tiết kiệm trong nước (%)	37.5	19.1	25.9	29.2	9.3	39.5	25.7
Tài khóa							
Cân đối ngân sách chính phủ (%GDP)	-3.3	-3.0	-3.2	-7.3	-4.2	-2.8	-4.6
Nợ chính phủ (% GDP)	32.6	51.4	57.9	81.1	55.4	41.0	61.0
Chi phí lãi vay của Chính Phủ (% thu NSNN)	5.1	11.7	8.8	23.4	12.8	17.1	5.7
Đối ngoại							
Cán cân vãng lai (%GDP)	4.1	-2.5	0.2	-1.2	-3.1	-0.3	2.8
Nợ nước ngoài ròng (%GDP)	-14.9	11.9	-0.6	-5.8	2.1	0.5	-46.8
Tổng nợ nước ngoài (%GDP)	22.6	50.8	54.1	18.1	45.0	30.0	34.2
Tỷ trọng nợ công trong tổng nợ (%)	21.2	53.4	30.3	3.2	33.7	29.5	1.1
Dự trữ ngoại hối (tháng nhập khẩu)	2.2	5.3	4.8	7.4	7.1	5.1	8.2
Thể chế							
Chỉ số Quản Trị toàn cầu WGI (Percentile)	40.7	45.5	55.8	45.2	38.5	43.6	42.1
Chỉ số Phát triển con người (HDI) (Percentile)	51.5	52.3	68.7	32.2	38.5	41.6	60.4

 = Việt Nam đạt mức Cao hơn một cách tương đối
 = Việt Nam đạt mức Thấp hơn một cách tương đối

Nguồn: FiinGroup tổng hợp và tính toán. Có tham khảo Tài liệu của Standard Chartered Bank tại Hội thảo XHTN Quốc gia, Tháng 1-2026

Một số điểm sau được FiinGroup chặt lọc từ các báo cáo phân tích, các cuộc tiếp xúc và theo sự đánh giá chủ quan của FiinGroup (*không phải là của các tổ chức xếp hạng quốc tế S&P Global Ratings hay bất kỳ của tổ chức nào*):

- 1. Sức mạnh Thể chế Kinh tế:** trong đó có tính có thể dự báo và tính minh bạch về tài chính tiền tệ; tính ổn định của hệ thống tài chính trong đó có vai trò của thị trường vốn
- 2. Vị thế dự trữ ngoại hối:** quy mô; và vị thế so với giá trị nhập khẩu (số tháng nhập khẩu) và nợ công bằng ngoại tệ (net external creditor)
- 3. Sức khỏe hệ thống ngân hàng:** thông qua tăng cường bộ đệm vốn và chất lượng tài sản & phát triển thị trường vốn
- 4. Công bố thông tin ra bên ngoài:** tiệm cận và phù hợp với thông lệ quốc tế trong công bố và phổ biến dữ liệu
- 5. Cải thiện các chỉ số World Governance Indicators (WGI)** thông qua sự tham gia một cách chủ động

1

Cải thiện Xếp hạng Tín nhiệm Quốc gia

Đem lại Lợi ích về Chi phí vốn cho Chính phủ và DN

Nhìn chung một quốc gia có mức xếp hạng tín nhiệm quốc tế cao hơn thì chi phí vốn sẽ thấp hơn cho quốc gia đó. Điều này thể hiện qua dữ liệu CDS (Credit Default Swap) như sau. Tuy nhiên, điều này không luôn luôn đúng: ví dụ Indonesia có mức xếp hạng cao hơn nhưng CDS không thấp hơn đáng kể so với Việt Nam ở các kỳ hạn CDS khác nhau.

Sovereign CDS* levels³

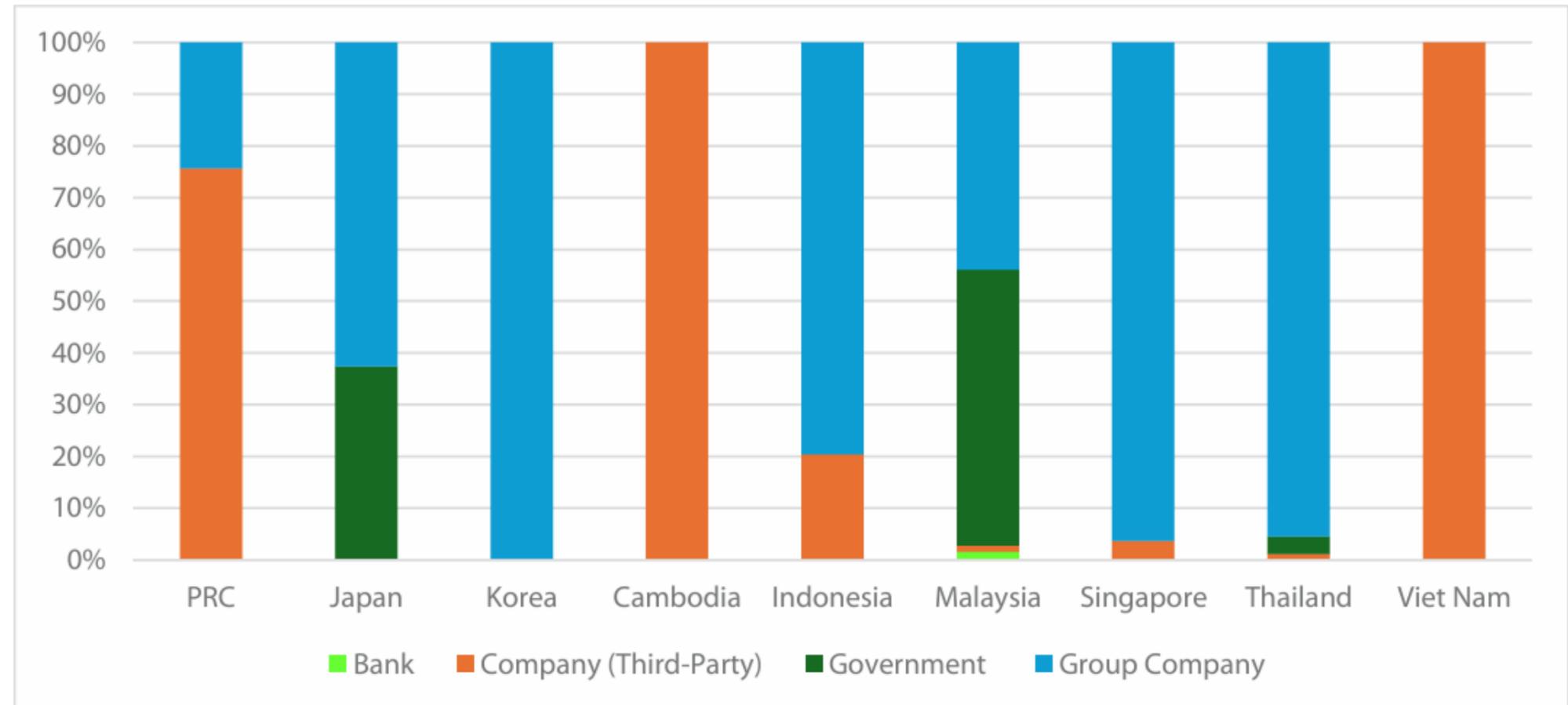
Country	1-Yr	3-Yr	5-Yr	10-Yr	Ratings**
China	22	35	46	65	A+ / A1
Korea	15	19	23	34	AA / Aa2
Thailand	12	27	43	68	BBB+ / Baa1
Malaysia	16	27	42	69	A- / A3
Philippines	23	40	63	107	31
Indonesia	31	51	75	124	BBB / Baa2
India	12	27	43	74	BBB / Baa3
Viet Nam	34	58	90	150	BB+ / Ba2
Kazakhstan	24	57	89	129	BBB- / Baa2
Pakistan	372	390	416	475	B- / Caa1
Mongolia	199	215	236	304	B+ / B2

Source: Bloomberg, 20 Nov 2025
 ** Ratings are from S&P and Moody's.

CDS (Credit Default Swap) là một hợp đồng hoán đổi rủi ro tín dụng, cho phép một bên bảo hiểm trước nguy cơ vỡ nợ của một bên vay (có thể là doanh nghiệp hoặc chính phủ).

- Là mô hình cung cấp các biện pháp giúp giảm rủi ro tín dụng cho nhà đầu tư trái phiếu thông qua dịch vụ Bảo lãnh thanh toán.
- **Thông lệ trong khu vực** thì các tổ chức tham gia vào bảo lãnh trái phiếu doanh nghiệp bao gồm: Chính phủ (tương tự quỹ bảo lãnh tín dụng của Nhà nước tại Việt Nam), Ngân hàng, Công ty cùng Tập đoàn và Một bên thứ ba tư nhân. Xem hình bên cạnh cho khu vực ASEAN+3.
- **Tại Việt Nam**, hiện ngoài các NHTM tham gia bảo lãnh TPDN và các doanh nghiệp cùng tập đoàn bảo lãnh cho nhau thì sự tham gia của Khối tư nhân với chủ yếu có hai tổ chức là GuarantCo (thuộc PIDG) và CGIF (thuộc ADB) tham gia tích cực vào hoạt động này.
- Hiện cũng có một số tổ chức tài chính quốc tế quan tâm đến hoạt động này tại Việt Nam. Tuy nhiên, chủ yếu với mô hình cross-border/ offshore.

Cơ cấu các Trái phiếu DN được bảo lãnh tại ASEAN+3, số liệu cuối 2023



ASEAN+3 = Association of Southeast Asian Nations plus the People's Republic of China, Japan, and Republic of Korea

Notes:

1. "Group Company" refers to parent companies and/or subsidiaries. "Company" refers to third-party guarantors.
2. The Philippines is not included in the figure because it has no guaranteed PHP-denominated corporate bond issued in 2023.

Sources: Bloomberg and Author's calculations.

Nguồn: CGIF. Báo cáo gốc: [ASEAN3-corporate-bond-market-research-final-v2.pdf](#)

Vai trò và Ý nghĩa của Mô hình Quỹ này:

- **Giảm chi phí vốn:** do rủi ro giảm đặc biệt trong bối cảnh lãi suất biến động
- **Mở rộng tệp nhà đầu tư,** nhất là định chế tài chính bảo hiểm
- **Cơ chế để thu hút vốn dài hạn:** Thúc đẩy niềm tin thị trường, nhất là từ nhà đầu tư
- **Hỗ trợ DN chưa có XHTN cao** (hiện thường là dưới mức A – theo thang điểm FiinRatings)
- **Hỗ trợ phát triển Trái phiếu Xanh**

Vì sao nên phát triển thêm mô hình nội địa? Mô hình quốc tế/ offshore như của GuarantCo và CGIF gặp một số rào cản: hạn mức phân bổ quốc gia, DN Việt phải theo thủ tục tòa án quốc tế, không tận dụng được nguồn vốn nội địa cho mô hình này.

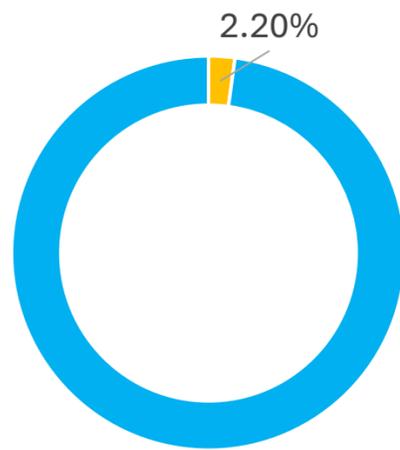
Thách thức:

- Quy định pháp lý chưa có cho khu vực tư nhân ngoài theo Luật Tổ chức tín dụng và quỹ bảo lãnh tín dụng DNVVN (của Nhà nước).
- Mô hình mới và có thể không đạt quy mô nếu cơ chế không phù hợp hoặc dư địa thị trường không đủ lớn.

Mô hình Hoạt động của Quỹ Bảo lãnh Trái phiếu Tư nhân



% giá trị TPDN được bảo lãnh còn đang lưu hành/ Giá trị TPDN đang lưu hành được bảo lãnh bởi CGIF và GuarantCo, 31/12/2025



- % trên tổng số TPDN được bảo lãnh đang lưu hành
- Giá trị TPDN phi tài chính đang lưu hành

Nguồn: FiinRatings

Ghi chú: không tính trái phiếu bank-bonds trong tổng giá trị TPDN lưu hành

Một số Giao dịch Trái phiếu được bảo lãnh bởi CGIF và GuarantCo, 2024-2025

STT	Tổ chức phát hành	Ngành nghề	Giá trị Trái phiếu (Tỷ VND)	Năm	Kỳ hạn (năm)	Lãi suất coupon (%)	Tổ chức bảo lãnh	Hình thức bảo lãnh	Xếp hạng Tín nhiệm Tổ chức Phát hành	Xếp hạng Tín nhiệm Trái phiếu
1	Nhựa Bình Thuận	Công nghiệp	260.0	2025	7	5.85%	GuarantCo/PIDG	Toàn bộ	BBB-	AAA
2	Công nghệ CMC	Công nghệ	1,250.0	2025	10	5.50%	CGIF/ADB	Toàn bộ		
3	Cấp sạch Hòa Bình - Xuân Mai	Hạ tầng	875.1	2024	20	5.75%	GuarantCo/PIDG	Toàn bộ	BB	AAA
4	Truyền dẫn Nước sạch Hòa Bình - Xuân Mai	Hạ tầng	317.2	2025	20	5.75%	GuarantCo/PIDG	Toàn bộ	BB	AAA
5	IDI - Sao Mai	Thực phẩm	1,000.0	2024	8	5.58%	GuarantCo/PIDG	Toàn bộ		
6	BIWASE Long An	Hạ tầng	700.0	2024	10	5.50%	CGIF/ADB	Toàn bộ	BBB	AAA

Nguồn: FiinRatings

Ghi chú:

- Mức lãi suất ở trên là mức lãi suất coupon và chi phí vốn thực tế sẽ cao hơn nếu tính cả chi phí bảo lãnh, chi phí giao dịch và các chi phí liên quan.
- Mức điểm Xếp hạng tín nhiệm là điểm xếp hạng nội địa được thực hiện bởi FiinRatings.
- Số liệu trên chưa phản ánh hết toàn bộ giao dịch của hai tổ chức này và chưa phản ánh các giao dịch bảo lãnh bởi các tổ chức khác bao gồm: Ngân hàng, Quỹ bảo lãnh Nhà nước, Các doanh nghiệp bảo lãnh cho bên liên quan và của các tổ chức quốc tế khác.



TUÂN THỦ PHÁP LÝ & MINH BẠCH HÓA TÀI CHÍNH

- **Hướng tới thông lệ quốc tế như IFRS:** Phản ánh giá trị tài sản sát với điều kiện thị trường, thiết lập chuẩn mực xác định giá trị hợp lý (*Fair Value*).
- **Đảm bảo tính độc lập:** Khách quan hóa quá trình định giá, triệt tiêu xung đột lợi ích so với việc các tổ chức tự định giá danh mục đầu tư nội bộ.
- **Chuẩn hóa dữ liệu:** Hình thành nguồn giá tham chiếu thống nhất, phản ánh rủi ro tín dụng và định giá tài sản nhất quán trên toàn thị trường.



GIẢI QUYẾT BÀI TOÁN THANH KHOẢN & KỸ THUẬT

- **Định giá trái phiếu kém thanh khoản:** Áp dụng mô hình định giá chuyên sâu (*Mark-to-Model*), DCF, và nội suy đường cong lợi suất khi thị trường thiếu giao dịch.
- **Xử lý sản phẩm phức tạp:** Bóc tách & định giá chính xác các cấu trúc đặc thù: quyền chọn, trái phiếu chuyển đổi, và công cụ lãi suất thả nổi.
- **Hỗ trợ giao dịch OTC & Repo:** Cung cấp mức giá tham chiếu chuẩn xác giúp thu hẹp chênh lệch bid-ask và xây dựng cơ sở xác định tỷ lệ haircut an toàn.



BẢO VỆ NHÀ ĐẦU TƯ & TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ RỦI RO

- **Tính toán NAV đáng tin cậy:** Tạo cơ sở định giá vững chắc cho các quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm và các định chế tài chính sở hữu danh mục trái phiếu lớn.
- **Cảnh báo sớm rủi ro:** Giám sát liên tục biến động Credit Spread và các chỉ báo thị trường cốt lõi nhằm phát hiện sớm dấu hiệu suy giảm chất lượng tín dụng.
- **Công cụ định lượng chuyên sâu:** Cung cấp bộ chỉ số quản trị danh mục và phòng ngừa rủi ro toàn diện (*Duration, Convexity, VaR*).

Quốc gia	Tổ chức định giá (BPA)	Mô hình hoạt động	Chức năng cốt lõi
Nhật Bản	Japan Securities Dealers Association NRI	Hiệp hội/Tư nhân	Cung cấp giá tham chiếu hàng ngày, đường cong lợi suất chuẩn
Hàn Quốc	Korea Asset Pricing (KAP) KIS Pricing, an affiliate of Moody's NICE P&I FnPricing	Tư nhân	Định giá trái phiếu phức tạp, phái sinh, dữ liệu Repo
Trung Quốc	ChinaBond Pricing Center Co. Ltd. China Securities Index Company	Nhà nước	Tiêu chuẩn định giá cho toàn thị trường
Malaysia	BPAM	Tư nhân	Đơn vị định giá tập trung duy nhất, bắt buộc cho hạch toán NAV
Thái Lan	ThaiBMA	Hiệp hội	Trung tâm thông tin & định giá tham chiếu bắt buộc
Indonesia	PT Penilai Harga Efek Indonesia (PHEI) (PHEI)	Cổ phần Nhà nước (SRO)	Định giá công cụ nợ, tỷ lệ haircut
Philippines	Philippine Dealing Exchange PDEX/BVAL	Cơ quan quản lý sàn	Cung cấp đường cong lợi suất, giá tham chiếu

Thị trường Phát triển (Đông Á)

- Khả năng cung cấp giá chào xác định (*firm-price availability*) đã trở nên phổ quát đối với trái phiếu chuẩn.
- Chênh lệch Bid-Ask thu hẹp tương đương các thị trường phát triển toàn cầu.
- Các đơn vị định giá độc lập (*IPAs*) đóng vai trò then chốt cho phân khúc thanh khoản thấp.

Thị trường đang phát triển (ASEAN)

Sự bùng nổ của Trái phiếu Bền vững (*Green/Social*). Các mô hình định giá buộc phải tích hợp biến số ESG và khung tiêu chuẩn ACMF để định lượng Phí chênh lệch xanh (*Greenium*).

Tại Việt Nam:

Hiện thông lệ bắt đầu hình thành với dữ liệu giá được cung cấp bởi VBMA và FiinGroup nhằm thực hiện theo yêu cầu của quản trị hoặc tập đoàn mẹ nước ngoài.

Các quy định và quy chuẩn liên quan đến báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của quỹ và tính toán giá trị tài sản ròng, v.v. có thể cần nhắc áp dụng.



Liên hệ:

Trụ sở chính:

Tầng 10, Peakview Tower
36 Hoàng Cầu, Phường Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (+84) 24 3562 6962
Email: info@fiingroup.com

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Tầng 16, Bitexco Financial Tower
02 Hải Triều, Phường Sài Gòn,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (+84) 329 813 686
Email: info@fiingroup.com

Tuyên bố Bản quyền và Miễn trách:

Tài liệu này được soạn thảo bởi Công ty Cổ phần FiinGroup và FiinRatings chỉ sử dụng cho mục đích tham khảo. Đây không phải là Báo cáo xếp hạng tín nhiệm và không khuyến nghị mua, bán hoặc nắm giữ bất kỳ cổ phiếu nào hoặc bất kỳ giao dịch cụ thể nào khác. Thông tin trong Báo cáo này, bao gồm dữ liệu, số liệu, bảng, phân tích và nhận xét của FiinGroup và FiinRatings, chỉ được sử dụng để tham khảo theo quyết định của riêng bạn. FiinGroup và FiinRatings sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hoặc hậu quả nào có thể xảy ra do việc sử dụng thông tin trong báo cáo này. FiinGroup và FiinRatings giữ bản quyền đối với báo cáo này và toàn bộ nội dung trong Báo cáo này. Báo cáo này được bảo hộ bản quyền theo pháp luật về quyền tác giả của Việt Nam và các nước theo các công ước, điều ước quốc tế về quyền tác giả mà Việt Nam là thành viên.



Quét mã QR để liên hệ với
FiinGroup

